

Số: 150/BC-UBND

Duy Xuyên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng năm 2026

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025 và Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. UBND xã Duy Xuyên công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý I/2026 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) đến Quý I/2026 là **78.978,5 triệu đồng** (đã loại trừ thu chuyển nguồn, kết dư ngân sách 45.021,3 trđ và huy động, đóng góp 1.000 trđ) đạt 27,4% dự toán xã giao. Cụ thể các khoản thu như sau:

1. Thu nội địa: 55.448,2 trđ, đạt 32,6% so với dự toán xã giao, trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 425,2 trđ.
- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 30.558,2 trđ, đạt 31,9% dự toán xã giao.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 17.572,4 trđ, đạt 35,6% dự toán xã giao.
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.890,1 trđ, đạt 29,2% dự toán xã giao.
- Các loại phí, lệ phí: 2.015 trđ, đạt 30,4%. Trong đó, lệ phí trước bạ: 1.740,2 trđ, đạt 32,3% dự toán xã giao.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 44,9 trđ, đạt 10,9% dự toán xã giao.
- Tiền cho thuê đất: 20,3 trđ, đạt 1,9% dự toán xã giao.
- Tiền sử dụng đất: 1.648,9 trđ, đạt 47,8% dự toán xã giao
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 26,7 trđ, đạt 2,5% dự toán xã giao.
- Thu khác: 246,5 trđ, đạt 12,4% dự toán xã giao.

2. Thu huy động, đóng góp: 1.000 trđ.

3. Thu chuyển nguồn, kết dư năm trước: 45.021,3 trđ.



4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 23.530,3 trđ, đạt 19,9% dự toán xã giao.

II. Chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi ngân sách đến Quý I/2026 thực hiện: **45.132,6 trđ**, đạt 17,6% dự toán xã giao. Cụ thể:

1 Chi đầu tư XD CB: 0 đồng.

2 Chi thường xuyên: Thực hiện đến Quý I/2026 là **45.132,6 trđ**, đạt 17,6% dự toán xã giao.

(Chi tiết theo các Biểu đính kèm)

Vậy, UBND xã công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I/2026 để các cơ quan, đơn vị theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND xã;
- Sở Tài chính (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Các ban HĐND xã;
- VPĐU, VP HĐND-UBND xã;
- Các ngành, MT-ĐT thuộc xã;
- Công thông tin điện tử xã (Phòng Văn hóa-XH xã đăng tải);
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đặng Hữu Phúc





ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐUY XUYỀN

Mẫu biểu số 54

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)
			Tháng 3	Lũy kế 3 tháng	
A	B	1	2	3	4=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	288.466	60.548,5	124.999,8	43,3
I	Thu nội địa	170.000	15.527,2	55.448,2	32,6
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		45.021,3	45.021,3	
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	118.466		23.530,3	
IV	Các khoản huy động, đóng góp			1.000,0	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	256.636	57.917,4	115.268,8	44,9
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	138.170	12.896,1	45.717,2	33,1
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	7.741	788,9	2.163,4	27,9
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)				
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	130.429	12.107,2	43.553,8	33,4
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	118.466	0,0	23.530,3	19,9
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	45.512		7.585,3	16,7
2	Thu bổ sung có mục tiêu	72.954		15.945,0	21,9
III	Thu huy động, đóng góp			1.000,0	
IV	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
V	Thu kết dư				
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		45.021,3	45.021,3	
C	TỔNG CHI NSDP	256.636	15.554,2	45.132,6	17,6
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	238.951	14.217,1	38.311,6	16,0
1	Chi đầu tư phát triển	34.193			0,0
2	Chi thường xuyên	201.186	14.217,1	38.311,6	19,0
3	Chi cho vay				
4	Chi viện trợ				
5	Chi trả nợ lãi				
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
7	Dự phòng NSNN	3.572			0,0
8	Các nhiệm vụ chi khác				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	17.685	1.337,1	6.821,0	38,6
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)
			Tháng 3	Lũy kế 3 tháng	
A	B	1	2	3	4=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (*)	170.000	15.527,2	56.448,2	33,2
I	Thu nội địa	170.000	15.527,2	55.448,2	32,6
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		35,5	425,2	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	95.800	9.066,4	30.558,2	31,9
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	49.310	4.256,4	17.572,4	35,6
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.900	874,5	2.890,1	29,2
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Các loại phí, lệ phí	6.630	652,4	2.015,0	30,4
	<i>Tr đó: Lệ phí trước bạ</i>	5.380	578,3	1.740,2	32,3
7	Các khoản thu về nhà, đất	4.830	498,5	1.714,1	35,5
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	310	29,5	44,9	14,5
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	1.070	3,1	20,3	1,9
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	3.450	465,9	1.648,9	47,8
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>				
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển				
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công				
10	Thu từ hoạt động xổ số				
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	1.050	26,7	26,7	2,5
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước				
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>				
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>				
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	500			0,0
14	Thu khác ngân sách	1.980	116,8	246,5	12,4
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			0,0	
IV	Thu viện trợ				

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)
			Tháng 3	Lũy kế 3 tháng	
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác				
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	138.170	12.896,1	45.717,2	33,1
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	7.741	788,9	2.163,4	27,9
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)			0,0	
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	130.429	12.107,2	43.553,8	33,4

(*) **Ghi chú:** Tổng thu NSNN trên địa bàn đã bao gồm thu huy động, đóng góp





Mẫu biểu số 56.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)
			Tháng 3	Lũy kế 3 tháng	
A	B	1	2	3	4=3/1
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>	256.636	15.554,2	45.132,6	17,6
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	238.951	14.217,1	38.311,6	16,0
I	Chi đầu tư phát triển	34.193			0,0
II	Chi trả nợ lãi				
III	Chi thường xuyên	190.901	14.217	38.312	20,1
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	78.681	5.434	16.231,4	20,6
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.800			0,0
IV	Chi cho vay				
V	Chi viện trợ				
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.572			0,0
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	10.285			0,0
IX	Các nhiệm vụ chi khác				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	17.685	1.337,1	6.821,0	38,6
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	17.685	1.337,1	6.821,0	38,6
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				